TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày 13-02-2026.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

2. Ông Hà Chí Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026, và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐ-ST ngày 06/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P. Địa chỉ: Tiểu khu P, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H. Địa chỉ: Bản B, xã Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P trình bày:

Ngày 17/9/2013 vợ chồng ông Lừ Văn V bà Quàng Thị P cho vợ chồng ông Hoàng Văn B bà Vũ Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay mượn, các bên có làm Giấy biên nhận vay tiền mặt, thoả thuận lãi suất 1%/ 1 tháng, trong giấy biên nhận vay tiền mặt không xác định thời hạn trả nợ.

Đến thời gian ông V bà P cần tiền đã nhiều lần đến tận nhà thông báo cho ông B bà H biết để trả nợ, nhưng ông B bà H cố tình không trả, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình ngày 04/11/2025 ông V bà P đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La buộc bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H trả khoản nợ gốc và lãi tính từ thời điểm lập Giấy Biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 đến thời điểm ngày 17/9/2025 cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng,

- Tiền lãi ông V bà P yêu cầu chỉ tính lãi suất 0,5%/1 tháng (theo giấy Biên nhận vay tiền mặt là 1%/ tháng), tính từ ngày 17/9/2013 đến 17/9/2025 là 144 tháng, tổng lãi phát sinh tương ứng với số tiền 7.200.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi ông V bà P yêu cầu ông H bà B phải trả là 17.200.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2016 Bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H trình bày:

Ông B bà H xác nhận ngày 17/9/2013 có vay của vợ chồng ông V bà P số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 1%/tháng, thời hạn vay 1 năm. Trong quá trình vay, bị đơn đã trả cho ông V bà P số tiền 5.000.000 đồng, và ông V bà P đã nhất trí không tính lãi đối với số tiền còn lại, nhưng việc trả tiền và thống nhất không tính lãi trên không lập thành văn bản, hiện nay ông bà không có các tài liệu, chứng cứ chứng minh để cung cấp cho Toà án, ông B bà H chỉ thừa nhận hiện nay còn nợ ông V bà P số tiền 5.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện ông V bà P yêu cầu ông B bà H trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 17/9/2013 đến 17/9/2025 là 7.200.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 17.200.000 đồng ông bà không nhất trí, mà chỉ chấp nhận trả ông V bà P số tiền còn lại 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ

gốc và lãi tính từ thời điểm lập Giấy Biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 đến thời điểm ngày 17/9/2025 là 17.200.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Hoàng Văn Binh, bà Vũ Thị H phải thanh toán cho ông Lừ Văn V, bà Quàng Thị P số tiền gốc và lãi là 17.200.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn B, bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 860.000 đồng.

Trả lại số tiền 430.000 đồng cho ông Lừ Văn V bà Quàng Thị P đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000656 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn cư trú tại Bản Boong Xanh, xã Y, tỉnh Sơn La trả nợ số tiền đã vay và lãi phát sinh, nghĩa vụ này phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La đã thực hiện các thủ tục tống đạt trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H đã cung cấp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến nhưng lại vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng yêu cầu của nguyên đơn để giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tính hợp pháp và hiệu lực của giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013: Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P cung cấp cho Tòa án Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận được ký kết cùng nhau. Nội dung Giấy biên nhận vay tiền mặt thể hiện nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, có người làm chứng và không ghi thời hạn trả tiền. Tại thời điểm ký kết 2 bên đều tự nguyện và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm các điều cấm của pháp luật không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005. Vì vậy Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 là hợp

pháp, có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết và nguyên đơn giao tiền cho bị đơn ngày 17/9/2013.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và lãi phát sinh theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/9/2013, nghĩa vụ này phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 cụ thể là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi".

Việc thực hiện hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi được thực hiện theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015: *"Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý"*. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nguyên đơn ông V bà P đã thực hiện nghĩa vụ của mình, đã nhiều lần đến nhà bị đơn ông B bà H đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/9/2013 nhưng ông B bà H cố tình không trả, vì vậy ngày 04/11/2025 nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La, do đó xác định thời điểm nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày 04/11/2025 vì vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H trả nợ số tiền vay gốc 10.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013. Tại Bản tự khai ngày 08/01/2026 bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H trình bày đã trả số tiền gốc 5.000.000 đồng cho nguyên đơn và chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn 5.000.000 đồng và nguyên đơn đã đồng ý không tính lãi suất đối với số tiền còn lại. Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Toà án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 05/2026/TB-TA ngày 08/01/2026, yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trên của bị đơn

nhưng hết thời hạn bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P tiền nợ gốc đã vay theo Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 là 10.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Theo nội dung tại các giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013, các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi xuất là 1%/ tháng. Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi, việc thực hiện Hợp đồng này theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 *"Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý".*

Theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".*

Trong giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 không ghi thời hạn trả nợ và thỏa thuận lãi suất là 1%/ tháng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi suất trên số nợ gốc 0,5%/1 tháng, tính từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2025, xét thấy việc yêu cầu trên là tự nguyện, phù hợp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận, cụ thể số tiền lãi suất tính trên số nợ gốc 10.000.000 đồng được xác định như sau:

Lãi suất theo tháng: 10.000.000 đồng x 0,5% = 50.000 đồng.

Lãi xuất từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2025 (tương đương 144 tháng): 144 tháng x 50.000 đồng = 7.200.000 đồng.

Như vậy ông Hoàng Văn B bà Vũ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lừ Văn V bà Quàng Thị P tổng số tiền 17.200.000 đồng.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi được chấp nhận nên Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P không phải chịu án phí dân sự và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 430.000

đồng đã nộp theo biên lai số 0000656 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 17.200.000 đồng phải trả cho ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P, cụ thể số tiền án phí phải nộp là 17.200.000 đồng x 5% = 860.000 đồng. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 7 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P số tiền gốc và lãi phát sinh theo Giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 17/9/2013 là 17.200.000đ *(Mười bẩy triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 860.000đ *(Tám trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Trả lại cho Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P số tiền tạm ứng án phí 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000656 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Lừ Văn V và bà Quàng Thị P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 13/02/2026.

Bị đơn ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ khi bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải